

Bản án số: 798/2024/DS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2024
“Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Từ

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 504/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2860/2024/QĐPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Hồng A, địa chỉ: số H, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Hồng T. Địa chỉ: số A, đường K, khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2020) (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lý Thành N. Địa chỉ: số B (số C), đường C, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Chí T1. Địa chỉ: Số E, đường T, khóm C, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Diệp Thị Thanh H. Địa chỉ: số B (số C), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Chị Lý Thị Kim T2. Địa chỉ: số B (số C), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Chị Lý Thị Kim H1. Địa chỉ: số B (số C), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị T2, chị H1: Ông Nguyễn Chí T1. Địa chỉ: Số E, đường T, khóm C, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Bà Lý Thị K. Địa chỉ: số A, đường P, khóm D, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị K: Ông Huỳnh Hồng T. Địa chỉ: số A, đường K, khóm F, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2020) (vắng mặt).

5. Bà Lý Mỹ K1. Địa chỉ: 26 BRETHERN CHURCH RD LEOLA, PA 17540, USA (vắng mặt).

6. Lý Kim H2. Địa chỉ: 26 BRETHERN CHURCH RD LEOLA, PA 17540, USA (vắng mặt).

7. L (S). Địa chỉ: 26 BRETHERN CHURCH RD LEOLA, PA 17540, USA. (vắng mặt).

8. Lý Hồng D. Địa chỉ: 26 BRETHERN CHURCH RD LEOLA, PA 17540, USA. (vắng mặt).

9. Tommy. Địa chỉ: 26 BRETHERN CHURCH RD LEOLA, PA 17540, USA (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lý Thị Kim T2 và chị Lý Thị Kim H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2020 của ông Lý Hồng A và trình bày của ông Huỳnh Hồng T tại phiên tòa:

Ông Lý Hón T3 (sinh năm 1923, chết ngày 24/4/2016) và bà Trương Thị T4 (sinh năm 1929, chết ngày 29/9/1997) có 05 người con chung gồm bà Lý Thị K, ông Lý Hót N1 (chết ngày 11/9/2015, không có vợ con), ông Lý Hồng V (chết ngày 25/4/2018), ông Lý Hồng A và ông Lý Thành N. Ngoài ra, ông T3 và bà T4 không có con riêng hay con nuôi, cha mẹ của ông T3 và bà T4 đều đã chết.

Lúc sinh thời, ông Lý Hón T3 và bà Trương Thị T4 có tạo lập được căn nhà cấp 4 tại số B (số cũ A), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng gắn liền với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 6, diện tích 72,7m², loại đất T hiện do ông Lý Thành N quản lý, sử dụng. Ngày 05/11/2004, Ủy ban nhân dân thị xã

S (nay là thành phố S) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này cho hộ ông Lý Hón T3.

Do ông T3 và bà T4 trước khi chết không để lại di chúc nên các anh chị em yêu cầu ông N bán căn nhà và đất trên để chia thừa kế nhưng ông N không đồng ý.

Ông Lý Hồng A yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà và đất do ông Lý Hón T3 và bà Trương Thị T4 để lại tại số A, đường C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông A xác định giá trị nhà, đất này là 2.800.000.000 đồng; ông A đề nghị được nhận nhà, đất và thanh toán các kỹ phần thừa kế trị giá bằng tiền cho các người thừa kế còn lại. Đối với kỹ phần thừa kế của ông Lý Hồng V thì thống nhất giao cho ông N quản lý, khi nào những người thừa kế của ông V gồm vợ ông V là bà Lý Mỹ K1 và các con ông V là Lý Kim H2, Lý L (S), Lý Hồng D, T5 có yêu cầu thì ông N có trách nhiệm trả lại.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm bản chính Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của ông Lý Hón T3 và bà Trương Thị T4; bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 561363 (số vào sổ 4079) do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp cho hộ ông Lý Hón T3 vào ngày 05/11/2004; bản trích lục hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 6, diện tích 72,7m².

- Theo trình bày của ông Lý Thành N tại văn bản ngày 03/7/2020, ngày 29/7/2022 và tại phiên tòa:

Ông Lý Thành N thống nhất với ý kiến của ông Lý Hồng A trình bày về hàng, diện thừa kế và di sản thừa kế do cha mẹ là ông Lý Hón T3 và bà Trương Thị T4 chết để lại. Ông N thống nhất giá trị nhà và đất tranh chấp là 2.800.000.000 đồng và đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản này, nhưng đề nghị chia làm 05 phần bằng nhau cho 04 người thừa kế còn lại là bà Lý Thị K, ông Lý Hồng V, ông A, ông N mỗi người 01 phần và 01 phần là công sức mà ông N cho rằng đã chăm sóc, nuôi dưỡng ông T3, bà T4 trước khi qua đời.

Ông N yêu cầu được nhận 02 kỹ phần thừa kế trị giá bằng tiền, trong đó 01 kỹ phần được hưởng thừa kế theo pháp luật, 01 kỹ phần là công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ và đồng ý giao cho ông A nhận hiện vật. Đối với 01 kỹ phần thừa kế của ông V thì ông N đề nghị được tạm thời quản lý thay cho ông V, khi nào các đồng thừa kế của ông V có yêu cầu thì ông N giao trả lại.

- Theo ý kiến của bà Lý Thị K tại văn bản ngày 25/7/2022, và trình bày của ông Huỳnh Hồng T tại phiên tòa:

Bà Lý Thị K thống nhất với ý kiến của ông Lý Hồng A trình bày về hàng, diện thừa kế và di sản thừa kế do cha mẹ để lại. Bà K thống nhất giá trị nhà và đất tranh chấp là 2.800.000.000 đồng và đồng ý chia thừa kế tài sản này theo pháp luật. Đối với 01 kỹ phần thừa kế của ông V thì bà K cũng đồng ý giao cho ông N quản lý, khi nào các đồng thừa kế của ông V có yêu cầu thì ông N có trách nhiệm giao trả lại.

- Theo trình bày của bà Diệp Thị Thanh H tại văn bản ngày 15/02/2022 và tại phiên tòa:

Bà Diệp Thị Thanh H thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Lý Thành N.

Bà H xác định khi ông Lý Hón T3 và bà Trương Thị T4 còn sống thì thành viên ở nước ngoài (là ông Lý Hồng V) thường xuyên chu cấp tài chính cho cha mẹ và anh em ở Việt Nam.

- Theo trình bày của chị Lý Thị Kim T2 tại văn bản ngày 15/02/2022:

Chị Lý Thị Kim T2 xác định khi ông Lý Hón T3 và bà Trương Thị T4 còn sống thì thành viên ở nước ngoài (là ông Lý Hồng V) thường xuyên chu cấp tài chính cho cha mẹ và anh em ở Việt Nam.

- Theo trình bày của chị Lý Thị Kim H1 tại văn bản ngày 15/02/2022:

Bà Lý Thị Kim H1 xác định khi ông Lý Hón T3 và bà Trương Thị T4 còn sống thì thành viên ở nước ngoài (là ông Lý Hồng V) thường xuyên chu cấp tài chính cho cha mẹ và anh em ở Việt Nam.

- Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ sau:

1. Xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc tài sản tranh chấp.
2. Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản tranh chấp.

- Những tình tiết, sự kiện đã được các bên thống nhất:

+ Cụ ông Lý Hón T3 (sinh năm 1923, chết ngày 24/4/2016) và cụ bà Trương Thị T4 (sinh năm 1929, chết ngày 29/9/1997) có 05 người con chung gồm bà Lý Thị K, ông Lý Hót N1 (chết ngày 11/9/2015, trước khi chết không có vợ con), ông Lý Hồng A, ông Lý Thành N và ông Lý Hồng V (chết ngày 25/4/2018; trước khi chết ông V có vợ là bà Lý Mỹ K1, ông V và bà K1 có 04 người con là Lý Kim H2, L (S), Lý Hồng D, T5).

+ Cụ T3 và cụ T4 không có con riêng hay con nuôi, cha mẹ của 02 cụ đều đã chết từ trước và trước khi chết, cụ T3 và cụ T4 đều không để lại di chúc.

+ Trong thời gian chung sống, cụ T3 và cụ T4 có tạo lập được căn nhà cấp 4 tại số B (số cũ A), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng gắn liền với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 6, diện tích 72,7m², loại đất T. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 561363, số vào sổ 4079 cho hộ ông Lý Hón T3 vào ngày 05/11/2004; còn tài sản trên đất thì chưa đăng ký quyền sở hữu.

+ Ông N, ông A, bà K thống nhất chia thừa kế theo pháp luật căn nhà và đất nêu trên cho 04 người thừa kế gồm N, ông A, bà K và ông V.

- Những tình tiết, sự kiện các bên không thống nhất và yêu cầu Tòa án giải quyết: Số kỷ phân mà mỗi thừa kế được hưởng trong căn nhà và đất do cụ ông Lý

Hón T3 và cụ bà Trương Thị T4 chết để lại tọa lạc tại số A, đường C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 74, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 104, Điều 153, Điều 154, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Hồng A. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ ông Lý Hón T3 và cụ bà Trương Thị T4 để lại là căn nhà và đất trị giá 2.800.000.000 đồng tọa lạc tại số B (số C), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Ông Lý Hồng A được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà và đất tọa lạc tại số B (số C), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; cụ thể như sau:

1.1. Thừa đất số 11, tờ bản đồ số 6, diện tích 72,7m² (có 1,7m² thuộc hành lang kênh), loại đất T đã được Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 561363, số vào sổ 4079 cho hộ ông Lý Hón T3 vào ngày 05/11/2004. Đất có vị trí, kích thước như sau:

- Phía Đông giáp thửa số 12, có số đo 14,60m + 0,45m;
- Phía Tây giáp thửa số 10, có số đo 14,60m + 0,39m;
- Phía Nam giáp đường C, có số đo 4,77m;
- Phía Bắc giáp Kênh C, có số đo 4,92m.

1.2. Tài sản trên đất là căn nhà số B (số cũ 177), đường C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (chưa đăng ký quyền sở hữu):

- Nhà chính có diện tích 59,04m² (ngang 4,80m x dài 12,3m); kết cấu cột bê tông cốt thép, trụ đà bê tông, sàn lót ván, vách tường, sà gồ gỗ, mái tôn, trần mù, nền lát gạch men, lán vỉa, cửa sắt.

- Nhà sau có diện tích 11,4m² (ngang 4,75m x dài 2,4m); kết cấu cột bê tông cốt thép, sà gồ gỗ, mái tôn, tường gạch, nền lán vỉa + gạch tàu.

2. Ông Lý Hồng A có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho:

- Ông Lý Thành N số tiền là 958.854.100 đồng.
- Bà Lý Thị K số tiền là 613.715.300 đồng.
- Vợ, con ông Lý Hồng V là Lý Mỹ K1, Lý Kim H2, L (S), Lý Hồng D, T5 số tiền là 613.715.300 đồng.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định chị Lý Thị Kim T2 và Lý Thị Kim H1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng: Yêu cầu chia thêm công sức đóng góp chăm sóc các cụ T3 và cụ T4 là 01 kỷ phần thừa kế, Bản án sơ thẩm xác định $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế là không phù hợp. Đề nghị giao cho ông N quản lý kỷ phần thừa kế của các đồng thừa kế của ông V hiện đang ở bên nước ngoài.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Tổ tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không kháng cáo và được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhất trí xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cụ ông Lý Hón T3 (sinh năm 1923, chết ngày 24/4/2016) và cụ bà Trương Thị T4 (sinh năm 1929, chết ngày 29/9/1997) có 05 người con chung là bà Lý Thị K, ông Lý Hót N1 (chết ngày 11/9/2015, trước khi chết không có vợ con), ông Lý Hồng A, ông Lý Thành N và ông Lý Hồng V (chết ngày 25/4/2018; trước khi chết ông V có vợ là bà Lý Mỹ K1, ông V và bà K1 có 04 người con là Lý Kim H2, L (S), Lý Hồng D, T5).

Cụ T3, cụ T4 không có con riêng hay con nuôi, cha mẹ của 02 cụ đều đã chết từ trước và trước khi chết, cụ T3 và cụ T4 đều không để lại di chúc.

Về di sản thừa kế: Căn nhà và đất tại số B (số C), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ T3 và cụ T4. Trong đó, đất có diện tích 72,7m², số thửa 11, số tờ bản đồ 6, loại đất T đã được

Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 561363, số vào sổ 4079 cho hộ ông Lý Hón T3 vào ngày 05/11/2004; còn tài sản trên đất thì chưa đăng ký quyền sở hữu.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất về diện và hàng thừa kế cũng như di sản của cha mẹ để lại. Sau khi xét xử sơ thẩm không cáo ai kháng cáo về nội dung trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Lý Thị Kim T2 và Lý Thị Kim H1; Hội đồng xét xử xét thấy:

Về kháng cáo yêu cầu được chia công sức bằng 01 suất thừa kế trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản cho ông N Thấy rằng: các đương sự thừa nhận ông N là người trực tiếp sống chung cụ T3, cụ T4 trong căn nhà và đất nêu trên cho đến khi 02 cụ qua đời nên cũng có công sức trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản. Tuy nhiên cũng theo lời thừa nhận của bà Lý Thị Kim T2 và Lý Kim H1 tại văn bản ngày 15/02/2022 đều xác định khi ông Lý Hón T3 và bà Trương Thị T4 còn sống thì thành viên ở nước ngoài (là ông Lý Hồng V) thường xuyên chu cấp tài chính cho cha mẹ và anh em ở Việt Nam. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm trích cho ông N được hưởng một phần công sức từ di sản này tương đương $\frac{1}{2}$ suất thừa kế theo pháp luật của cụ T3, cụ T4 trước khi chia thừa kế là phù hợp. Do vậy đơn kháng cáo của bà H1 và bà T2 về nội dung trên không có căn cứ được chấp nhận.

Đối với kháng cáo yêu cầu để cho ông N được tạm nhận và quản lý kỹ phần của ông Lý Hồng V do hiện nay những người thừa kế của ông V đang ở nước ngoài xét thấy: Các đương sự trong vụ án này đều thống nhất để ông Lý Hồng A được quyền sở hữu, sử dụng di sản thừa kế và phải có nghĩa vụ thanh toán cho các kỹ phần mà các thừa kế được hưởng. Do vậy bản án sơ thẩm tuyên buộc ông A phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho các đồng thừa kế là có căn cứ, trong đó có những người thừa kế của ông Lý Hồng V, do vậy kháng cáo yêu cầu ông N được nhận quản lý kỹ phần của ông V là không có căn cứ vì ông A là người được nhận di sản, và phải có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp cho những đồng thừa kế của ông V khi họ có yêu cầu là có cơ sở do vậy; kháng cáo về nội dung trên không có căn cứ được chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của chị Lý Thị Kim T2, và Lý Thị Kim H1 không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Lý Thị Kim T2, và Lý Thị Kim H1. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 05/02/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 74, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 104, Điều 153, Điều 154, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Hồng A. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ ông Lý Hớn T3 và cụ bà Trương Thị T4 để lại là căn nhà và đất trị giá 2.800.000.000 đồng tọa lạc tại số B (số C), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Ông Lý Hồng A được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà và đất tọa lạc tại số B (số C), đường C, khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; cụ thể như sau:

1.1. Thừa đất số 11, tờ bản đồ số 6, diện tích 72,7m² (có 1,7m² thuộc hành lang kênh), loại đất T đã được Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 561363, số vào sổ 4079 cho hộ ông Lý Hớn T3 vào ngày 05/11/2004. Đất có vị trí, kích thước như sau:

- Phía Đông giáp thửa số 12, có số đo 14,60m + 0,45m;
- Phía Tây giáp thửa thửa số 10, có số đo 14,60m+0,39m;
- Phía Nam giáp đường C, có số đo 4,77m;
- Phía Bắc giáp Kênh C, có số đo 4,92m.

1.2. Tài sản trên đất là căn nhà số B (số cũ 177), đường C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (chưa đăng ký quyền sở hữu):

- Nhà chính có diện tích 59,04m² (ngang 4,80m x dài 12,3m); kết cấu cột bê tông cốt thép, trụ đà bê tông, sàn lót ván, vách tường, sà gồ gỗ, mái tôn, trần mù, nền lát gạch men, lán vỉa, cửa sắt.

- Nhà sau có diện tích 11,4m² (ngang 4,75m x dài 2,4m); kết cấu cột bê tông cốt thép, sà gồ gỗ, mái tôn, tường gạch, nền lán vỉa + gạch tàu.

2. Ông Lý Hồng A có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho:

- Ông Lý Thành N số tiền là 958.854.100 đồng.
- Bà Lý Thị K số tiền là 613.715.300 đồng.

- Vợ, con ông Lý Hồng V là Lý Mỹ K1, Lý Kim H2, L (S), Lý Hồng D, T5 số tiền là 613.715.300 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lý Thị Kim T2, và chị Lý Thị Kim H1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 600.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002827 ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Sóc Trăng; (5)
- VKSND tỉnh Sóc Trăng; (1)
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (3)
- NCQLNVLQ; (9)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành